

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B án số: 116/2023/DS-PT

Ngày 27 - 12 - 2023

*“V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn M

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh T;

Bà Nguyễn Thị Thu H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc L - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H

- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2023/TLPT- DS ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXX- PT ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Ông Lương Văn R (R), sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960, vắng mặt.

+ Anh Lương Văn H, sinh năm 1983, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V.

+ Chị Lương Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã X, Huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

+ Chị Lương Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 2, xã X, Huyện XT, tỉnh Đ, vắng mặt.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quốc Đ; Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai V - Chi nhánh T; địa chỉ: Thị trấn T, Huyện T, tỉnh V, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V, (có mặt).
Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm, đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Gia đình ông được quyền sử dụng thửa đất số 187, tờ B đồ số 7, diện tích 458m², địa chỉ thửa đất tại: Thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V, được Ủy ban nhân dân Huyện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H.

Gia đình ông Lương Văn R có quyền sử dụng thửa đất số 186, tờ B đồ số 7, diện tích 767m² (theo B đồ 299 lập năm 1988). Ngày 12/11/2001, ông Lương Văn R được Ủy ban nhân dân Huyện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 30/3/2015, hộ ông R được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn R, diện tích 771,7m², thửa đất số 304, tờ B đồ số 41.

Nguồn gốc 02 thửa đất của gia đình ông H và gia đình ông R là được chính quyền cấp từ năm 1982, mỗi hộ được 18, 19 thước (tương đương với diện tích đất khoảng 450m²). Thửa đất nhà ông R trên trục đường làng, còn thửa đất nhà ông phía trong, không có lối ra; Phía trước thửa đất nhà ông có 01 hồ chuồng dài khoảng 19m, rộng khoảng 13m (diện tích hồ chuồng khoảng 240m²). Để có lối ra đường lớn, ông đã bỏ nhiều công sức gánh đất, lấp hồ chuồng và sử dụng từ năm 1982 không ai có ý kiến gì. Đến năm 1995, do hoàn cảnh khó khăn, ông phải đi làm ăn xa, ông R ở nhà đã lấn chiếm phần hồ chuồng mà ông đã lấp và chiếm làm của riêng. Năm 2017, ông R xây tường bao loan lấn chiếm đất nhà ông không cho ông sử dụng. Mấy năm sau ông trở về địa phương và phát hiện ông R đã tự ý lấn chiếm ao chuồng do ông bỏ công sức lấp. Ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã X giải quyết nhưng không thành.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Huyện T khởi kiện buộc ông Lương Văn R phải trả lại cho ông diện tích đất ao 240m² (chiều rộng 13m, chiều dài 19m (BL 31), lúc thì khai dài 19m, rộng 24m (BL 32) thuộc thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V. Đối với công trình xây dựng trên đất của ông R thì ông R phải tự tháo dỡ và đề nghị tòa án Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 30/3/2015 mang tên Hộ ông Lương Văn R.

Bị đơn, ông Lương Văn R trình bày: Nguồn gốc đất hiện gia đình ông đang sử dụng tại thôn O, xã X, Huyện T, tỉnh V (trong đó có phần đất hiện ông H đang khởi kiện) có nguồn gốc là do ông được Ủy ban nhân dân xã X, Huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cấp cho ông từ năm 1982. Diện tích đất được cấp ban đầu khoảng 12 thước, sau đó ông còn mua thêm của một số hộ dân, tổng diện tích là khoảng

hơn 700m². Hiện trạng ban đầu khi được cấp là đất ruộng (cây rau Muống của Hợp tác xã nông nghiệp Hoàng Cẩm, xã X), sau khi được cấp đất, mua đất của một số hộ dân sự thì đến năm 1992 ông đã xây dựng công trình là nhà ở kiên cố trên đất. Tại thời điểm năm 1992, khi ông xây nhà (đổ bê tông) thì không tranh chấp gì với các hộ liền kề về mốc giới, Bản thân ông H cũng không có ý kiến gì.

Khoảng năm 1991, 1993 ông được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn R. Ngày 30/3/2015 ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lương Văn R, diện tích 771,7m². Lý do hiện còn có 01 phần đất ao như khi Tòa án tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ là khi ông xây nhà ở năm 1992, ông đã đào đất ở phần đất ao hiện tại để lấy đất để đắp lên nền nhà xây năm 1992. Ủy ban nhân dân xã X đã nhiều lần kiểm tra xác định gia đình ông không lấn, chiếm đất của ông H.

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H ông không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lương Văn H (con ông R) trình bày: Anh đồng ý với ý kiến, lời trình bày của ông Lương Văn R. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H anh không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B (là vợ ông R), tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình chuẩn bị xét xử đã có lời khai thể hiện, bà đồng ý với kiến trình bày của ông Lương Văn R. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H bà không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị H và chị Lương Thị V (con ông R) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi hoặc giao nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, gửi hoặc giao nộp cho Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lương Văn R (tên gọi khác Lương Văn Rô) phải trả lại cho ông H diện tích đất 240m² thuộc thôn O, xã X, Hện T, tỉnh V.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 30/3/2015 mang tên Hộ ông Lương Văn R.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2023 ông Nguyễn Văn H kháng cáo Bản án vì cho rằng Bản án sơ thẩm xử không khách quan. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đương sự không xuất trình chứng cứ mới, ông H giữ nguyên kháng cáo đề nghị của mình.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông H đề nghị tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V: Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự ông H đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông R và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên B án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Hộ ông Nguyễn Văn H có quyền sử dụng thửa đất số 187, tờ B đồ số 7, diện tích 458m², địa chỉ thửa đất tại: Thôn O, xã X, Hện T, tỉnh V, được Ủy ban nhân dân Hện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H (BL 02).

Gia đình ông Lương Văn R có thửa đất số 186, tờ B đồ số 7, diện tích 767m² (theo B đồ 299 lập năm 1988). Ngày 12/11/2001, ông Lương Văn R được Ủy ban

nhân dân Huyện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 767m² (BL 37). Đến ngày 30/3/2015, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hộ ông Lương Văn R. Diện tích đất được cấp là 771,7m², thửa đất số 304, tờ B đồ số 41.

Nguồn gốc 02 thửa đất của gia đình ông H và gia đình ông R là được chính quyền cấp từ năm 1982, mỗi hộ được 18, 19 thước (tương đương với diện tích đất 450m²). Thửa đất nhà ông R trên trục đường làng, còn thửa đất nhà ông H phía trong. Phía trước thửa đất nhà ông H có 01 hố chuồng (diện tích hố chuồng khoảng 240m²).

Theo ông H, để có lối ra đường lớn, ông đã bỏ nhiều công sức gánh đất, lấp hố chuồng và sử dụng từ năm 1982 không ai nói gì. Đến năm 1995 do hoàn cảnh khó khăn, ông phải đi làm ăn xa, ông R ở nhà đã lấn chiếm phần hố chuồng mà ông đã lấp và chiếm làm của riêng, xây tường bao loan không cho ông sử dụng. Mấy năm sau ông trở về địa phương và phát hiện ông R đã tự ý lấn chiếm ao chuồng do ông bỏ công sức lấp. Ông đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã X giải quyết nhưng không thành. Ông Nguyễn Văn H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Huyện T buộc ông Lương Văn R phải trả lại cho ông diện tích đất ao 240m² thuộc thôn O, xã X, Hện T, tỉnh V. Đối với công trình xây dựng trên đất của ông R thì ông R phải tự tháo dỡ. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 30/3/2015 mang tên hộ ông Lương Văn R.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Lương Văn R (Rô) trả cho ông diện tích đất ao 240m² và Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông R, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hai thửa đất của hai hộ gia đình Nguyễn Văn H, Lương Văn R đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân Huyện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 thửa đất số 187, tờ B đồ số 7, diện tích 458m², địa chỉ thửa đất tại: Thôn O, xã X, Huyện T mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 30/3/2015 tên hộ ông Lương Văn R thửa đất số 304, tờ B đồ số 41, diện tích 771,7m². Hai thửa đất có 01 cạnh giáp nhau.

Ông H cho rằng, trước kia diện tích đất ao khoảng 240m² (mà ông R đang sử dụng) là do ông lấp từ năm 1982 là của ông, nhưng H không đưa được tài liệu nào thể hiện đất 240m² đất ao của ông H. Ông H cũng khẳng định không đăng ký gì với cơ quan nhà nước (BL 32); không có tên trong sổ sách địa chính hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như ông H không bất cứ tài liệu nào thể hiện ông H có diện tích 240m² đất ở vị trí đất mà ông R đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Biên B xác minh tại trụ sở UBND xã X, Huyện T, thể hiện: Tại B đồ 299 được lập năm 1988 thì thửa đất số 186, tờ B đồ số 7, diện tích 767m² loại đất được ký hiệu là T, tại B đồ không ghi chủ sử dụng đất. Tại sổ mục kê được lập năm 2000 thể hiện: thửa đất số 186, tờ B đồ số 7, diện tích 767m² trong đó đất ở là 200m² và

đất vườn là 567m², đứng tên chủ sử dụng đất là Lương Văn Rô. Tại sổ cấp GCN QSDĐ được lập năm 2001 thể hiện thửa đất số 186, tờ B đồ số 7, diện tích 767m² đứng tên chủ sử dụng đất là Lương Văn Rô. Ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân Huyện T, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004 thửa đất số 187, tờ B đồ số 7, diện tích 458m², địa chỉ thửa đất tại: Thôn O, xã X, Huyện T ngoài ra không đăng ký kê khai, đứng tên chủ sử dụng thửa đất nào khác tại thôn O. Ủy ban nhân dân xã X, Huyện T cũng xác định ông R không lấn chiếm đất của ông H; ông H không có quyền lợi gì đối với thửa đất của ông R (BL 10, 67).

Văn phòng đăng ký đất đai Huyện T cung cấp tài liệu thể hiện diện tích đất của ông Lương Văn R cấp năm 2001 và năm 2015 là phù hợp nhau, chỉ chênh 4,7 m² do đo vẽ, về hình thửa không có sự thay đổi đáng kể, được các hộ giáp ranh và Ủy ban xác nhận (BL 38 - 43).

Tại cấp sơ thẩm và Biên bản thẩm định tại chỗ thể hiện chính ông Nguyễn Văn H vào năm 1986 đã xây bờ tường ngăn cách với phần đất của ông R; ông Lương Văn R đã xây bờ kè ao khoảng 30 năm, ông H cũng không có ý kiến tranh chấp gì. Như vậy, Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi diện tích 240m² đất (vị trí đất mà ông R đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông H là có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Văn Rô (R) như ông H yêu cầu. Đáng ra Tòa án nhân dân Huyện T chỉ cần nhận định như vậy và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận cấp cho ông R. Tuy nhiên phần Quyết định của Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 30/3/2015 mang tên Hộ ông Lương Văn R là không đúng, vì Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền xem xét để hủy hay không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh cách tuyên của án sơ thẩm cho phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tại phiên tòa là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng thẩm định, định giá tài sản: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ, nguyên đơn đã nộp đủ. Nguyên đơn cũng không kháng cáo về chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí Dân sự: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn H thuộc đối tượng người cao tuổi và đơn xin miễn án phí nên theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn H thuộc trường

hợp được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận miễn án phí cho ông H là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên phải chịu án dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí ở cấp sơ thẩm nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H là phù hợp.

Các nội dung khác của B án Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết và không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện T.

1. Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc buộc ông Lương Văn R (tên gọi khác: Lương Văn Rô) phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H diện tích đất 240m² thuộc thôn O, xã X, Hện T, tỉnh V.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H.

3. Các quyết định khác của B án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

B án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND Huyện T;
- VKSND Huyện T;
- Chi cục T.H.A DS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành Nguyễn Thị Thu Hiền

Vũ Văn Mạnh